

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Trung Thống.

Ông Thạch Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm: 1979 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Nơi đăng ký HKTT: ấp TO, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp KB, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1977 (*Vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: ấp TO, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 18-5-2022, bản tự khai ngày 16-6-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc L trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn C đi đến hôn nhân qua mai mối, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH vào ngày 12-11-2002. Vàng nữ trang cưới có 4,5 chỉ vàng 24K gồm đôi bông tai 01 chỉ, một sợi dây chuyền 2,5 chỉ, chiếc nhẫn cưới 01 chỉ và một chiếc đồng hồ đeo tay, nhưng quá trình chung sống vợ chồng đã bán hết lấy tiền cầm đất, sau đó chuộc đất, rồi chăn nuôi bò và bán bò lấy tiền tiêu sài chung

đến nay đã hết. Sau ngày cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi hai con chung chào đời, cuộc sống vợ chồng đôi lúc có bận rộn và khó khăn, lúc này ông C trở nên thay đổi tính tình, không chăm lo làm ăn mà sa đà vào rượu chè, cờ bạc,... không quan tâm đến vợ con, còn có hành vi bạo hành đối với vợ con. Bà đã vì các con mà cố gắng chịu đựng. Nhưng thời gian kéo dài, ông C vẫn không thay đổi, sự chịu đựng của bà không thể nữa, nên từ ngày 01-4-2006, bà bỏ về ở bên nhà cha mẹ ruột tại ấp KB, xã HH. Được khoảng 44 tháng sau, do cha chồng có đến giáp mặt cha mẹ của bà trao đổi, được cha mẹ hai bên động viên nên bà quay trở về đoàn tụ với ông C. Nhưng cuộc sống chung của vợ chồng vẫn không có tiến triển, ông C vẫn không thay đổi. Nên khoảng tháng 3 năm 2015, bà tiếp tục sống ly thân với ông C từ đó cho đến nay mà không hàn gắn lại được. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà khởi kiện xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn C có hai người con chung là Nguyễn Huỳnh L1, sinh ngày 06-3-2000 và Nguyễn Thị Như Tr, sinh ngày 26-4-2003, đều đã thành niên, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Có đất chuyên trồng lúa nước, thửa số 1054, tờ bản đồ số 6, diện tích 5.192m² (trong này có khoảng 04 công đất được cha chồng là ông Nguyễn Văn S tặng cho, còn 01 công là do bà và ông C mua lại của chủ đất giáp cận cho liền nguyên thửa đất), tọa lạc tại ấp GB, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh, do bà và ông C cùng đứng tên quyền sử dụng đất. Hiện đất do ông C đang quản lý, sử dụng; còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đang cất giữ. Ngoài ra, không còn tài sản chung gì khác. Nay khi ly hôn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, mà bà và ông C sẽ tự thỏa thuận, sau khi ly hôn nếu có tranh chấp thì bà và ông C sẽ khởi kiện sau.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định bà và ông C hiện nay không nợ chung của ai, cũng không ai nợ bà và ông C, nên không yêu cầu giải quyết.

Bà không nộp thêm chứng cứ cho Tòa án, không thuộc diện gia đình chính sách nào.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-6-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông và bà Huỳnh Thị Ngọc L đi đến hôn nhân qua mai mối rồi quen biết nhau, cha mẹ hai bên đều chấp nhận, làm lễ cưới khoảng năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH năm 2002. Nữ trang ngày cưới cho vợ có 4,5 chỉ vàng 24K gồm đôi bông tai 01 chỉ, một sợi dây chuyền 02 chỉ, chiếc nhẫn cưới 05 phân, tám lắc 01 chỉ và một cái đồng hồ đeo tay, nhưng quá trình chung sống vợ chồng đã bán hết vàng cưới để cầm đất, sau đó mua bò bán bò rồi tích lũy mua được 10 chỉ vàng 24K giao cho bà L cất giữ. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau thời gian dài. Đến khoảng bốn năm nay thì giữa vợ chồng mới xảy ra cự cãi những chuyện nhỏ trong cuộc sống chung, rồi bà L giận ông và bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và sống ly thân với ông đến nay khoảng 05 năm. Theo ông, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn đến mức trầm trọng. Ông có tới lui bên

nhà vợ năn nỉ rứt bà L về được 02 lần, nhưng bà L không chịu về và giờ bà L nộp đơn xin ly hôn với ông. Nay ông không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ và mong muốn hàn gắn để cùng chăm lo cho con.

Về con chung: là Nguyễn Huỳnh L1, sinh ngày 06-3-2000 và Nguyễn Thị Như Tr, sinh ngày 26-4-2003, đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Ông cho rằng nguồn gốc đất chuyên trồng lúa nước thừa số 1054 mà bà L trình bày là do ông Nguyễn Văn S (cha ruột của ông) cho chung vợ chồng ông. Nếu bà L cương quyết ly hôn với ông, thì bà L phải trả lại đất, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, để ông trả đất lại cho cha ruột của ông, chứ ông không đồng ý phân chia đất đai cho bà L hay chia cho hai con chung. Ngoài ra, khi bà L đi khỏi nhà chồng có mang theo 10 chỉ vàng 24K và tiền hốt hụi (ông không xác định được bao nhiêu tiền hụi), thì nay bà L phải phân chia tài sản lại cho ông.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Ông thống nhất xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ông không nộp chứng cứ gì cho Tòa án xem xét, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

** Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày, không cung cấp chứng cứ gì thêm. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc L: Cho bà L được ly hôn với ông Nguyễn Văn C; Về con chung là Nguyễn Huỳnh L1, sinh ngày 06-3-2000 và Nguyễn Thị Như Tr, sinh ngày 26-4-2003, đều đã thành niên, nên không xem xét; Về tài sản chung: Không xem xét, do các đương sự không có yêu cầu khởi kiện, dành cho đương sự quyền khởi kiện vụ án khác nếu có tranh chấp; Về nợ chung: Do các đương sự cùng xác định không có, nên không

xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Huỳnh Thị Ngọc L là nguyên đơn, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L theo luật định. Đối với ông Nguyễn Văn C là bị đơn, đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng ông C đều vắng mặt không lý do. Ngày 15-8-2022, Tòa án triệu tập hợp lệ ông C để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông C vắng mặt không lý do. Ngày 24-8-2022, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông C để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông C vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn C.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy bà Huỳnh Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH vào ngày 12-11-2002, nên hôn nhân của bà L và ông C là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian dài chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà L cho rằng do ông C rượu chè, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, có hành vi bạo hành đối với vợ con, nên bà đã sống ly thân với ông C từ ngày 01-4-2006 đến khoảng 44 tháng sau được cha mẹ gia đình hai bên hòa giải để bà đoàn tụ lại với ông C, nhưng sau đó việc đoàn tụ không có kết quả, ông C vẫn hoàn toàn không thay đổi, nên bà đã tiếp tục sống ly thân với ông C từ khoảng tháng 3 năm 2015 cho đến nay mà không hàn gắn được nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân của vợ chồng đã quá dài, nên bà L cương quyết xin được ly hôn với ông C. Đối với ông C cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, nên ông không đồng ý ly hôn với bà L, mà xin được hàn gắn, nhưng đến nay ông C vẫn không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào theo yêu cầu của Tòa án để chứng minh khả năng hàn gắn hạnh phúc giữa ông với bà L.

[3] Theo xác nhận ngày 08-6-2022 của chính quyền địa phương ấp KB (được chứng thực của Ủy ban nhân dân xã HH cùng ngày) thì bà L đã rời khỏi quê chồng (ở ấp TO) về chung sống với gia đình cha mẹ ruột (ở ấp KB) khoảng 15 năm nay.

[4] Theo các Biên bản xác minh cùng ngày 28-7-2022 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp TO, xã HH cho biết: Bà L và ông C có về sinh sống tại địa phương ấp TO thời gian cách đây đã rất lâu (không nhớ chính xác năm nào). Về mâu thuẫn cụ thể trong cuộc sống chung giữa bà L với ông C thì chính quyền địa

phương không nắm rõ, nhưng xác nhận ông C có thường xuyên uống rượu say xỉn về chửi mắng, đánh đập vợ con, phải nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp, giáo dục ông C nhiều lần, nhưng ông C vẫn không sửa đổi; Bà L có nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và sống ly thân với ông C; Có được cha mẹ gia đình hai bên động viên bà L quay về đoàn tụ với ông C nhiều lần, nhưng việc hàn gắn không có kết quả. Nên lần bà L bỏ nhà chồng đi luôn cho đến nay đã 15 năm không quay về nữa. Về tài sản chung hay nợ chung thì tại địa phương ấp TO không tiếp nhận đơn thư của ai khiếu nại hay tranh chấp tài sản hoặc nợ đối với ông C và bà L. Do bà L đã sống ly thân với ông C thời gian đã rất lâu, nên đề nghị Tòa xem xét giải quyết ly hôn giữa họ theo quy định pháp luật.

[5] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 16-6-2022, 06-7-2022 để bà L, ông C có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng tại phiên hòa giải ngày 16-6-2022, sau khi các đương sự trình bày ý kiến, Tòa án ghi nhận và thông qua các biên bản làm việc, thì ông C cự cãi với bà L rồi tự ý bỏ ra về, không ký tên vào các biên bản. Và sau đó đều vắng mặt không lý do theo triệu tập của Tòa án. Ông C không thể hiện mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà L.

[6] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Bà L, ông C xác lập hôn nhân từ năm 2002, chung sống hạnh phúc được thời gian dài. Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng khi bất hòa xảy ra, vợ, chồng không kiềm chế được hành vi và cách cư xử của bản thân, đã có những lời nói không chuẩn mực, dẫn đến cự cãi, thậm chí xảy ra xô xát, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[7] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”; Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”. Nhưng bà L, ông C đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[8] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà Loan, ông Cao đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn với ông C là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho bà L được ly hôn với ông C.

[9] *Về con chung*: Bà Huỳnh Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn C có hai người con chung tên Nguyễn Huỳnh L1, sinh ngày 06-3-2000 và Nguyễn Thị Như Tr, sinh ngày 26-4-2003, đều đã thành niên, nên không xem xét giải quyết.

[10] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đối với bà Huỳnh Thị Ngọc L không tranh chấp, chưa yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án; Đối với ông Huỳnh Văn C có nài ra yêu cầu tranh chấp tài sản chung với bà L, đã được Tòa án thông báo giải thích bằng văn bản về việc khởi kiện phản tố, nhưng đến nay ông vẫn không khởi kiện, cũng không giao nộp bất cứ chứng cứ gì cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết yêu cầu của ông.

[11] *Về nợ chung*: Do bà Huỳnh Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn C cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[12] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Huỳnh Thị Ngọc L có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[13] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 21, 51, 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Ngọc L được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn C có hai người con chung tên Nguyễn Huỳnh L1, sinh ngày 06-3-2000 và Nguyễn Thị Như Tr, sinh ngày 26-4-2003, đều đã thành niên, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn C chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết. Dành cho các đương sự khởi kiện bằng một vụ án khác, nếu có tranh chấp yêu cầu.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn C cùng thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0010388 ngày 18-5-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HH;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo